

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 326/2024/DS-ST

Ngày: 17/9/2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha

2. Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Tiết Ánh Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông N V M, sinh năm: 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, tp CM, tỉnh CM.

- Bị đơn: Bà Lê T T A, sinh năm: 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, đường N Q, khóm A, phường B, tp CM, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa ông N V M trình bày: Ngày 10/10/2022, ông N V M có cho bà Lê T T A vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay tiền bà Lê T T A có viết giấy biên nhận tiền và có cam kết đến ngày 13/10/2022 sẽ trả lại số tiền trên. Nhưng đến ngày 15/10/2022 bà A mới thanh toán được số tiền 45.000.000đ vốn vay tiếp tục cam kết đến ngày 15/11/2022 sẽ trả vốn vay và thỏa thuận trả lãi mỗi tháng 913.000đ tương đương số tiền 1,66%/tháng nhưng bà A không trả vốn và lãi theo cam kết. Tại đơn khởi kiện ông N V M yêu cầu bà Lê T T A trả lại cho ông M số tiền vốn là 55.000.000 đồng và tính lãi 1,66%/tháng x 19 tháng = 17.347.000đ và tiếp tục tính lãi đến khi thanh toán xong

nợ. Tuy nhiên, tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn thay đổi chỉ yêu cầu lãi theo qui định từ ngày 15/10/2022 đến ngày xét xử là 23 tháng với mức lãi suất theo qui định pháp luật.

Đối với bà Lê T T A: Mặc dù bà A đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền 55.000.000đ và lãi suất theo qui định pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm, đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng bà Lê T T A vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn 55.000.000đ và lãi phát sinh từ giao dịch dân sự. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay giữa ông N V M và bà Lê T T A là có diễn ra trong thực tế. Bởi lẽ, tại giấy biên nhận ngày 10/10/2022 đã thể hiện nội dung: “Tôi Lê T T A số CMND/CCCD 09619101147...tôi có nhận số tiền 100.000.000đ...nếu trong khoản thời gian đến 13/10/2022 mà tôi không hoàn trả được số tiền trên thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật...”. Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xem xét bản thân bà A đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bà không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, bà cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án. Xét lời trình bày của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong vụ án nên yêu cầu của của ông N V M về việc buộc bà Lê T T A trả số tiền vốn vay là 55.000.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn xác định tại biên nhận nợ không thể hiện nội dung lãi suất nhưng cho rằng thực chất có lãi 1,66%/tháng và quá trình giao dịch đến ngày 15/10/2022 bị đơn chưa trả lãi chỉ trả vốn

45.000.000đ nên yêu cầu bị đơn thanh toán lãi $1,66\%/tháng \times 19 \text{ tháng} = 17.347.000đ$ cho đến ngày thanh toán dứt điểm nợ. Xét mức lãi tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả với mức lãi suất $1,66\%/tháng$ cao hơn qui định pháp luật. Bởi lẽ, tại khoản 4 điều 466 BLDS qui định “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự qui định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Do đó lãi suất được chấp nhận là $0,83\%/tháng$ được tính cụ thể như sau: $55.000.000đ \times 0,83\% \times 23 \text{ tháng} = 10.499.000đ$.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã dự nộp án phí nên được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N V M. Buộc bà Lê T T A có nghĩa vụ thanh toán cho ông N V M khoản nợ tiền vay với tổng số tiền 65.499.000đ. Trong đó: Tiền vốn là 55.000.000 đồng, tiền lãi là 10.499.000đồng.

Kể từ ngày ông N V M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê T T A không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lê T T A phải chịu 3.275.000 đồng (chưa nộp). Ông N V M không phải chịu án phí. Ngày 12/6/2024 ông N V M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.809.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0008827) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc